ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HỒNG ĐÀO**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HỒNG ĐÀO**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,**  **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 01 | Bà. Võ Thị Đào | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 02 | Ông. Lê Tuấn Vũ | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 03 | Bà. Hồ Thị Kim Ngân | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 04 | Bà. Phạm Thị Kim Ngọc | Nhân viên văn thư | Thư ký hội đồng |  |
| 05 | Bà. Nguyễn Thị Thu Trang | Chủ tịch công đoàn cơ sở | Ủy viên hội đồng |  |
| 06 | Ông. Trần Tiến Đạt | Bí thư chi đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 07 | Ông. Đỗ Thị Kim Thuy | Tổng phụ trách đội | Ủy viên hội đồng |  |
| 08 | Bà. Lý Thu Nga | Trưởng ban Thanh tra nhân dân | Ủy viên hội đồng |  |
| 09 | Bà. Trần Kim Hoa | Tổ trưởng chuyên môn Ngữ Văn | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Bà. Đặng Thị Mỹ Hạnh | Tổ trưởng chuyên môn Toán học | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Bà. Phan Thị Ngọc Hiền | Tổ trưởng chuyên môn Tiếng Anh | Ủy viên hội đồng |  |
| 12 | Bà. Trần Như Thắm | Tổ trưởng chuyên môn Lịch Sử- Địa lý - Giáo dục công dân | Ủy viên hội đồng |  |
| 13 | Bà. Nguyễn Tấn Bão | Tổ trưởng chuyên môn Địa lý | Ủy viên hội đồng |  |
| 14 | Bà. Nguyễn Hữu Đức | Tổ trưởng chuyên môn Tin học | Ủy viên hội đồng |  |
| 15 | Bà. Nguyễn Vũ Loan Giao | Tổ trưởng chuyên môn Âm nhạc – Mỹ thuật | Ủy viên hội đồng |  |
| 16 | Ông. Phạm Văn Sử | Tổ trưởng chuyên môn Thể dục | Ủy viên hội đồng |  |
| 17 | Bà. Đặng Thị Lệ Hằng | Tổ trưởng chuyên môn Khoa học tự nhiên | Ủy viên hội đồng |  |
| 18 | Bà. Phan Thị Hương | Tổ phó chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 19 | Bà. Trương Thị Ngọc Thanh | Tổ trưởng chuyên môn Công Nghệ | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

**MỤC LỤC**

| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| --- | --- |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 5 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 11 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 12 |
| 1. **TỰ ĐÁNH GIÁ** | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 14 |
| **Mở đầu** | 14 |
| **Tiêu chí 1.1:** Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 14 |
| **Tiêu chí 1.2:** Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| **Tiêu chí 1.3:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| **Tiêu chí 1.4:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 21 |
| **Tiêu chí 1.5:** Lớp học | 23 |
| **Tiêu chí 1.6:** Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 25 |
| **Tiêu chí 1.7:** Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 27 |
| **Tiêu chí 1.8:** Quản lý các hoạt động giáo dục | 29 |
| **Tiêu chí 1.9:** Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 31 |
| **Tiêu chí 1.10:** Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 33 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | 35 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 36 |
| **Mở đầu** | 36 |
| **Tiêu chí 2.1:** Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 36 |
| **Tiêu chí 2.2:** Đối với giáo viên | 38 |
| **Tiêu chí 2.3:** Đối với nhân viên | 41 |
| **Tiêu chí 2.4:** Đối với học sinh | 43 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | 45 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 46 |
| **Mở đầu** | 46 |
| **Tiêu chí 3.1:** Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 46 |
| **Tiêu chí 3.2:** Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 49 |
| **Tiêu chí 3.3:** Khối hành chính - quản trị | 51 |
| **Tiêu chí 3.4:** Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 53 |
| **Tiêu chí 3.5:** Thiết bị | 55 |
| **Tiêu chí 3.6:** Thư viện | 57 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | 59 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 59 |
| **Mở đầu** | 59 |
| **Tiêu chí 4.1:** Ban đại diện cha mẹ học sinh | 60 |
| **Tiêu chí 4.2:** Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 62 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | 65 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** | 65 |
| **Mở đầu** | 65 |
| **Tiêu chí 5.1:** Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông | 66 |
| **Tiêu chí 5.2:** Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 69 |
| **Tiêu chí 5.3:** Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 72 |
| **Tiêu chí 5.4:** Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 73 |
| **Tiêu chí 5.5:** Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh | 75 |
| **Tiêu chí 5.6:** Kết quả giáo dục | 78 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | 83 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 84 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | 86 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**

| **Tiêu chuẩn,  tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.6 |  | x | x |  |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** trường đạt Mức 1.

**Phần I.**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào.

Tên trước đây: không có.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố  Hồ Chí Minh |  | Họ và tên Hiệu trưởng | Võ thị Đào |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Hóc Môn | Điện thoại | (028) 38914412 |
| Xã/phường/thị trấn | Xuân Thới Sơn | FAX | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không | Website | Thcsnguyenhongdao.hcm. edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1992 | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không | Thuộc vùng đặc biệt  khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |

**1. Số lớp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Khối lớp 6 | 15 | 12 | 10 | 9 | 13 |
| Khối lớp 7 | 14 | 14 | 12 | 10 | 8 |
| Khối lớp 8 | 11 | 12 | 14 | 12 | 10 |
| Khối lớp 9 | 11 | 10 | 12 | 14 | 14 |
| **Tổng cộng** | **51** | **48** | **48** | **45** | **45** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | **43** | **43** | **43** | **43** | **43** |  |
| 1 | Phòng học | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** |  |
| a | Phòng kiên cố | 35 | 35 | 35 | 35 | 35 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** |  |
| a | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | **3** | **3** | **3** | **3** | **3** |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | **7** | **7** | **7** | **7** | **7** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | **1** | **1** | **1** | **1** | **1** |  |
| **IV** | Hội trường | **1** | **1** | **1** | **1** | **1** |  |
| Nhà đa năng | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| Bán trú | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| Kho chứa dụng cụ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | **59** | **59** | **59** | **59** | **59** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 5 năm 2023.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 01 | 01 |  |
| Phó Hiệu trưởng | 02 | 01 | 0 | 0 | 02 | 01 |  |
| Giáo viên | 78 | 52 | 01 | 03 | 75 | 05 |  |
| Nhân viên | 28 | 20 | 0 | 0 | 28 | 0 |  |
| **Cộng** | **109** | **74** | **01** | **03** | **106** | **07** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số  giáo viên | 71 | 71 | 76 | 76 | 78 |
| Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1,39 | 1,47 | 1,58 | 1,68 | 1,73 |
| Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,04 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 9 | 12 | 12 | 5 | 3 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 01 |

**4. Học sinh:**

1. **Số liệu chung:**

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh | 2284 | 2377 | 2422 | 2349 | 1938 |  |
| *- Nữ* | 1131 | 1140 | 1203 | 1170 | 898 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 05 | 04 | 06 | 05 | 16 |  |
| *- Khối lớp 6* | 615 | 709 | 614 | 512 | 567 |  |
| *- Khối lớp 7* | 583 | 591 | 689 | 584 | 346 |  |
| *- Khối lớp 8* | 550 | 562 | 573 | 682 | 482 |  |
| *- Khối lớp 9* | 493 | 461 | 515 | 535 | 543 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 617 | 721 | 620 | 512 | 567 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 1120 | 1157 | 1118 | 1212 | 1078 |  |
| 4 | Bán trú | 1120 | 1157 | 1118 | 1212 | 1078 |  |
| 5 | Nội trú | - | - | - | - | - |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 49,65 | 46,60 | 50,4 | 48,9 | 43,1 |  |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| *- Nữ* | 1131 | 1140 | 1203 | 1170 | 898 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 05 | 04 | 06 | 05 | 16 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 41 | 46 | 52 | 45 | 23 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 23 | 36 | 29 | 25 | 15 |  |
| *- Nữ* | 17 | 17 | 14 | 11 | 7 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 2 | 1 | 3 | 2 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 4 | 5 | 8 | 9 | 8 |  |
| 12 | Các số liệu khác (nếu có) | - | - | - | - | - |  |

**b) Kết quả giáo dục:**

| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2023-2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 880/2323  37,8% | 1205/2391  50,4% | 1131/2313  48,9% | 1000/2075  48,2% | 1049/1938  54,1% |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 821/2323  35,3% | 793/2391  33,2% | 762/2313  32,9% | 656/2075  31,6% | 451/1938  23,2% |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 114/2323  4,9% | 48/2391  2,0% | 65/2313  2,8% | 50/2075  2,41% | 78/1938  4,02% |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 2053/2323  88,4% | 2026/2391  84,7% | 2026/2313  87,6% | 1884/2075  90,8% | 1759/1938  90,76% |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 209/2323  8,9% | 261/2391  10,9% | 261/2313  11.3% | 273/2075  8.3% | 149/1938  7.69% |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Trung bình | 50/2323  2,1% | 07/2391  0,3% | 07/2313  0,3% | 13/2075  0,6% | 28/1938  1,4% |

**Phần II.**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào được thành lập theo Quyết định số 57/QĐ-UB ngày 19 tháng 02 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn tại địa chỉ số 228/2D, đường Nguyễn Văn Bứa, ấp 6, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được thiết kế xây dựng gồm 05 khu, tổng cộng 35 phòng học và có đủ các phòng như: phòng làm việc của cán bộ quản lí, phòng thư viện, phòng y tế, phòng giáo viên, phòng Đoàn Đội- truyền thống, phòng bảo vệ, phòng tiếp dân... một nhà thi đấu đa năng. Cảnh quan môi trường cũng đã được đầu tư đúng mức tạo nên môi trường xanh – sạch – đẹp. Năm học 2021-2022,nhà trường có 45 lớp, sĩ số học sinh là 2078 học sinh, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường hiện có là 103 người.

Ngoài ra,để phục vụ giảng dạy cho bộ môn Tin học, trường có 02 phòng máy vi tính với tổng số máy là 112, có nối mạng internet. Việc xã hội hóa giáo dục nhà trường thực hiện chưa hiệu quả nhưng việc bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học luôn là nội dung được quan tâm hàng đầu. Năm học 2021-2022, trường có trang bị thêm 02 phòng có bảng tương tác và máy chiếu cố định để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học.

Căn cứ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của việc tự đánh giá, qua công tác tự đánh giá, nhà trường thấy được thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; sự đồng thuận, chung tay góp sức của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là sự đổi mới trong công tác quản lý, trong những năm gần đây Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều năm liền trường luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm mục đích tự xem xét, tự chỉ ra những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; nhằm lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Quá trình tự đánh giá

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 6 năm 2022 và hoàn thành vào cuối tháng 8 năm 2022. Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 19 thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; ngoài ra hội đồng cũng đã huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và sự hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, các ban ngành đoàn thể xã Xuân Thới Sơn. Tuy nhiên lực lượng nòng cốt vẫn là các thành viên của hội đồng tự đánh giá. Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên các thành viên trong hội đồng tự đánh giá đã tập trung làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng qui định và đúng tiến độ thời gian.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường, xác định rõ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động, nội dung công việc, thời gian tiến hành từng công việc và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó, tất cả các hoạt động diễn ra khoa học, thuận lợi, đúng dự kiến và đạt hiệu quả cao.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng qui trình đã được qui định như sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá (13/6/2022- 15/6/2022)

2. Lập kế hoạch tự đánh giá (16/6/2022- 18/6/2022).

3. Thu thập, xử lí và phân tích các minh chứng (27/6/2022 - 09/7/2022).

4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (11/7/2022- 16/7/2022).

5. Viết báo cáo tự đánh giá (18/7/2022- 23/7/2022).

6. Công bố báo cáo tự đánh giá (25/8/2022).

7. Gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo: 08/9/2022.

3.2. Vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo qui định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lí chất lượng giáo dục của nhà trường trong những năm học tiếp theo.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.**

**Mở đầu:**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông nhiều cấp học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng như: Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng khoa học. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các đoàn thể trong nhà trường gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình.

Từ năm học 2022-2023, trường có 45 lớp. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý, có đủ giáo viên dạy bộ môn. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 46 em và có ban cán sự lớp.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

***Tiêu chí 1.1:* *Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường (hội đồng quản trị đối với trường tư thục),cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017- 2022 dựa trên Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Xuân Thới Sơn theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất giai đoạn 2017-2022 [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2022 được thể hiện trong văn bản “Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường” và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2022 được công bố bằng hình thức niêm yết công khai tại bảng tin trường, công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường chưa có các giải pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường.

Mức 3:

Nhà trường chưa định kỳ thực hiện lấy ý kiến hội đồng trường, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng nhằm bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường so với tình hình thực tế.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục. Giáo dục phổ thông trung học cơ sở quy định và được công khai với nhiều hình thức để toàn thể cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh được biết.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có giải pháp thiết thực nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển của nhà trường.Chiến lược phát triển nhà trường chưa định kỳ thực hiện lấy ý kiến hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong Chiến lược phát triển; đồng thời định kỳ lấy ý kiến của toàn đơn vị để bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học phổ thông và trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, hội đồng trường có 13 thành viên [H1-1.2-01]. Nhà trường còn thành lập hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-02], hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-03] do Uỷ ban Nhân dân huyện Hóc Môn ra quyết định hàng năm. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-07], hội đồng coi và chấm kiểm tra học kỳ [H1-1.2-05], hội đồng coi và chấm kiểm tra lại hàng năm [H1-1.2-06], biên bản họp hội đồng trường [H1-1.2-04].

b) Các hội đồng trong nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quyết định thành lập: quyết nghị chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển nhà trường; qui chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát thực hiện quyết nghị của hội đồng trường, việc thực hiện qui chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-03].

c) Hoạt động của các hội đồng trong nhà trường thường xuyên được rà soát đánh giá định kì hàng quý theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trường, từ đó đề xuất biện pháp khắc phục đối với những hạn chế, thiếu sót [H1-1.2-07].

Mức 2:

Trong những năm học qua, hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường hoạt động hiệu quả; tất cả nội dung đều được đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thống nhất thông qua một cách công khai, minh bạch, đảm bảo quy chế dân chủ nên đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo qui định.

Hàng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của các hội đồng, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Hội đồng trường hoạt động hiệu quả nhưng chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò, chức năng của từng thành viên hội đồng trong hoạt động giám, xây dựng nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạtMức 1.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo*

*quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Trường có Ban Chấp hành Công đoàn hành gồm 03 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-01]. Ban Chấp hành Chi đoàn trường gồm 03 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]. Liên đội trường có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, trong đó có 45 chi đội; số lượng thành viên Ban chỉ huy liên đội: 09 [H1-1.3-03]. Chi hội Khuyến học Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào trực thuộc Hội Khuyến học xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn [H1-1.3-04]. Hội Chữ thập đỏ trường nhiệm kỳ 2017- 2022 trực thuộc Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-05].

b) Công đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật, theo quy định của Luật Công đoàn, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và công khai của nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của công đoàn viên; động viên, khuyến khích công đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng [H1-1.3-01].Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật, có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch hoạt động tháng; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định, tổ chức Đại hội Chi đoàn theo hướng dẫn của Đoàn xã Xuân Thới Sơn và huyện đoàn Hóc Môn; các hoạt động của chi đoàn góp phần tích cực trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-02]. Liên đội hoạt động theo Điều lệ Đội và quy định của Pháp luật; có xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch tháng; tổ chức các hoạt động phong trào góp phần giúp học sinh phát triển toàn diện

[H1-1.3-03].

c) Hàng năm, các hoạt động của các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá và được thể hiện trong kết quả thi đua cuối năm của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào trực thuộc Đảng bộ xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, có 28 đảng viên, trong đó cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí (01 Bí thư, 01 phó Bí thư, 01 chi ủy viên) là lãnh đạo nhà trường

[H1-1.3-06].

Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật [H1-1.3-06]. Hàng năm, thực hiện hướng dẫn của Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn, chi bộ tổ chức đánh giá phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, kết quả từ năm 2016 đến nay, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Công đoàn trường tổ chức cho công đoàn viên tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên phát động, tổ chức [H1-1.3-01]. Chi đoàn và Liên đội trường đã tổ chức nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh tham gia như: ngày hội An toàn giao thông, ngày chủ nhật xanh, thứ bảy tình nguyện... [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-07].

Mức 3:

a) Từ năm 2017 đến năm 2022, Chi bộ Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Từ năm học 2016-2017 đến nay, Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường nhưng chưa có tính lan tỏa ra cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức của chi bộ và các đoàn thể trong nhà trường đầy đủ, hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Các đoàn thể, tổ chức khác chưa có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Cấp ủy Chi bộ nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng Chi đoàn tổ chức những hoạt động phù hợp với tình hình thực tế nhà trường. Ban Chấp hành Chi đoàn phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực, điều kiện, hoàn cảnh cá nhân trong các hoạt động có liên quan để các thành viên tham gia sinh hoạt và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cán bộ quản lý quan tâm sắp xếp thời gian phù hợp, tạo điều kiện về kinh phí tổ chức hoạt động cho giáo viên, nhân viên có năng lực, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, phong trào của nhà trường và cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh*

*giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong năm học 2021-2022 Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào có 45 lớp, có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ và trường phổ thông nhiều cấp học [H1-1.4-01].

b) Trường có 8 tổ chuyên môn (Toán, Khoa học tự nhiên, Lịch sử- Địa lý GDCD, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Thể dục, Âm nhạc- Mỹ thuật), mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó (đối với tổ có 07 thành viên trở lên) do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [H1-1.4-02].Trường có 01 tổ văn phòng, có 1 tổ trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ; có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Điều lệ trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-02].

c) Hàng năm, tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động, hướng dẫn tổ viên xây dựng hoạt động cá nhân theo chuẩn kiến thức kĩ năng và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H1-1.4-03]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua tiết thao giảng và báo cáo chuyên đề, tự học bồi dưỡng thường xuyên tham gia đánh giá, xếp loại theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên, họp xét thi đua mỗi học kì; hàng tháng có báo cáo cho hiệu trưởng [H1-1.4-04 ]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hàng năm, trường tổ chức chuyên đề cấp huyện theo phân công của Phòng Giáo dục và Đào tạo, mỗi tổ đều có một chuyên đề, một tiết thao giảng cấp trường với nội dung trọng tâm về việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả giáo dục như: Chuyên đề: “Thực hiện ra vườn với bác nông dân”(Ứng dụng diện tích đa giác toán học) [H1-1.4-03].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp ít nhất 02 tuần/01 lần để rà soát và đánh giá các hoạt động của tổ cũng như điều chỉnh giải pháp thực hiện kế hoạch của tổ [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng là một trong các nhân tố đóng góp trong việc cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục và chất lượng hoạt động của nhà trường qua từng năm học [H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn thực hiện các báo cáo chuyên đề chuyên môn nhưng chưa vận dụng được vào bài dạy hiệu quả, chưa có tính lan tỏa và chưa áp dụng rộng rãi [H1-1.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, biên chế các tổ phù hợp với quy định tại tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác.

**3. Điểm yếu**

Chuyên đề của các tổ chuyên môn chưa phát huy hết hiệu quả, chưa có tính lan tỏa và chưa được áp dụng rộng rãi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn theo dõi các hoạt động của tổ chuyên môn, tập trung trao đổi về phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu bài học, thực hiện các chuyên đề gắn liền với thực tiễn của đơn vị, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Chú trọng đưa vào nội dung thảo luận các chủ đề chủ điểm của chuyên để gắn với thực tiển chuyên môn cần đưa ra bàn bạc thảo luận trong tổ, nhóm.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.5: Lớp học***

Mức 1:

*a) Có đủ các lớp của cấp học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*Trường có không quá 45(bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2021-2022, Trường THCS Nguyễn Hồng Đào có 45 lớp với 2075 học sinh, có đầy đủ 04 khối lớp, từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 theo quy định

[H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp học đều có Ban cán sự lớp gồm lớp trưởng và lớp phó [H1-1.5-02]. Lớp được chia thành bốn tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong lớp bầu ra [H1-1.5-02]. Mỗi lớp phân công 01 giáo viên chủ nhiệm quản lý, xây dựng nề nếp, thực hiện nội quy nhà trường và theo dõi tình hình học tập của học sinh [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ; lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do học sinh trong lớp bầu dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-04].

Mức 2:

Năm học 2021-2022, trường có 45 lớp với 2075 học sinh, sĩ số bình quân 46,1 học sinh/lớp, lớp có sĩ số đông nhất là 56 học sinh [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trường có 45 lớp. Mỗi lớp vượt quá 40 học sinh, chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9. Mỗi lớp học có 01 giáo viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp theo đúng quy định của tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi lớp bố trí một phòng học cố định.

**3. Điểm yếu**

Số lượng lớp của nhà trường cao hơn số lượng quy định.

Sĩ số học sinh trung bình/lớp vượt quá số lượng theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn về việc phân tuyến tuyển sinh lớp 6 nhằm giảm số lớp và giảm sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định.

Cuối mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm các lớp tiếp tục thống kê số lượng, chất lượng học sinh để cán bộ quản lý nhà trường sắp xếp lớp học nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp yêu cầu khi tổ chức hoạt động.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường trung học như sau: Đối với nhà trường: Hồ sơ khen thưởng học sinh [H1-1.6-01]; Sổ đăng bộ [H1-1.6-02]; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-03]; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-04]; Học bạ của học sinh [H1-1.6-05]; Sổ ghi đầu bài [H1-1.6-06]; Sổ quản lý tài sản [H1-1.6-07]; Hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-08]; Hồ sơ lưu trữ công văn đi, đến [H1-1.6-09]; Sổ quản lý thiết bị đồ dùng dạy học [H1-1.6-10]; Sổ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-11]. Đối với tổ chuyên môn: Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn [H1-1.4-03]. Đối với giáo viên: Giáo án [H1-1.6-12]; Kế hoạch giảng dạy [H1-1.6-13]; Sổ dự giờ [H1-1.6-14]; Sổ điểm cá nhân [H1-1.6-15]; Sổ chủ nhiệm [H1-1.5-02].

b) Hàng năm,bộ phận kế toán lập dự toán năm gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trong quý 4 [H1-1.6-16]; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng biểu mẫu, đúng thời gian, đúng quy định [H1-1.6-17]. Hàng tháng, trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra, đồng thời niêm yết công khai tại phòng hội đồng giáo viên; công tác tự kiểm tra tài chính được tiến hành định kỳ đúng quy định [H1-1.6-17]. Hiệu trưởng có kiểm tra từng bộ phận theo kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.6-18]. Có Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chi tiết cụ thể, được các tổ thảo luận và góp ý phù hợp với điều kiện và quy định từng năm, quy chế có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học [H1-1.6-19].

c) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017, đúng quy chế, đúng mục đích đạt hiệu quả, đảm bảo các hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh, đồng thời góp phần ổn định tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-17].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm học sinh (thông qua sổ điểm điện tử, tin nhắn điện tử, thông tin đến phụ huynh hàng ngày), sử dụng phần mềm quản lý tài chính, tài sản [H1-1.6-20].

b) Từ năm 2017 đến nay, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra [H1-1.6-17].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tạo nguồn tài chính từ công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường, kinh phí của nhà trường chủ yếu từ ngân sách nhà nước, nguồn thu học phí [H1-1.6-17].

**2. Điểm mạnh**

Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng quy chế, đúng mục đích đạt hiệu

quả, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của bộ phận thanh tra, kiểm tra.

Có quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chi tiết rõ ràng, được thảo luận và điều chỉnh trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học.

**3. Điểm yếu**

Chưa có kế hoạch tạo nguồn tài chính từ công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực tài chính để phát triển nhà trường từ công tác xã hội hóa. Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra Nhân dân tiếp tục tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo*

*quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-01]. Đề cử giáo viên tham gia các lớp: bồi dưỡng hiệu trưởng, bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm, bồi dưỡng nhận thức kết nạp đảng, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy theo hướng giáo dục STEM, trung cấp lý luận chính trị [H1-1.7-02].

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thực hiện công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm; nguyên tắc phân công phù hợp trình độ đào tạo, đủ định mức dựa trên cơ sở năng lực, nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo Luật Viên chức, Luật Lao động, được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã ngạch và bậc của từng người trong bảng lương như: lương, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, các chế độ khác theo quy chế chi tiêu nội bộ và nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, hỗ trợ phí đào tạo bồi dưỡng chuyên môn hàng năm [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công cho từng thành viên theo đúng trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm phát huy năng lực góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên phát huy đúng năng lực chuyên môn, giao việc đúng với khả năng và sở trường; mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giáo viên, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục của nhà trường; các bộ phận được đánh giá xếp loại Tốt, chất lượng giáo dục của nhà trường đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên; thực hiện phân công phân nhiệm hợp lý, tạo điều kiện học tập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

Còn giáo viên lớn tuổi chưa tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động tổ, nhằm phát huy hiệu quả các chuyên đề từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn trường.

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng sắp xếp, tuyển dụng theo đúng, đủ số lượng theo vị trí việc làm và thành lập các tổ chuyên môn riêng biệt khi đủ số lượng.

Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên môn thực hiện các chuyên đề bồi dưỡng cho giáo viên lớn tuổi tích cực học tập, ứng dụng việc sử dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng, đăng tải các nội dung bài giảng để đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cùng với điều kiện thực tế của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đầu năm học định hướng cho mọi hoạt động của nhà trường cho năm học [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong từng năm học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn chỉ đạo, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương xã Xuân Thới Sơn và hoạt động của nhà trường [H1-1.6-06]; [H1-1.4-03].

c) Phó Hiệu trưởng chuyên môn tổ chức họp tổ bộ môn để đánh giá, rà soát, bổ sung kế hoạch giáo dục nhằm cải thiện chất lượng giáo dục [H1-1.4-04];

[H1-1.4-06].

Mức 2:

Hàng năm, hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nhà trường phổ biến rộng rãi, đầy đủ các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm tới toàn thể giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh; thường xuyên chỉ đạo, nhắc nhở giáo viên các quy định về dạy thêm trong các cuộc họp giao ban đầu tuần, họp hội đồng sư phạm; thực hiện nghiêm Thông tư 17/2012/TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của Ủy ban nhân dân huyện: giáo viên dạy Trung tâm phải làm đơn xin phép và chỉ được dạy khi Hiệu trưởng cho phép. Hiện nay, giáo viên trong nhà trường thực hiện tốt quy định, không có giáo viên vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm [H1-1.8-02].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương và phù hợp với thực tế nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Có tổ chức họp tổ chuyên môn đánh giá, rà soát và bổ sung kế hoạch tuy nhiên thực hiện cải tiến còn chậm. Việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được thực hiện tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng tìm hiểu nguyên nhân chậm cải tiến các nội dung kế hoạch giáo dục chưa phù hợp đã thống nhất qua các cuộc họp. Từ đó nhà trường có biên pháp chấn chỉnh để nâng cao chất lượng giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho mọi cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp để xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục chung [H1-1.9-01].

b) Trong các năm học qua, mọi ý kiến, thắc mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về giải quyết chế độ, chính sách, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đều được giải quyết đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường [H1-1.9-02].

c) Hàng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-18]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Tất cả nội dung hoạt động của trường đều được Hiệu trưởng đưa ra cuộc họp Hội đồng sư phạm trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên; phát huy vai trò phối hợp giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân; thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo khối đoàn kết cùng phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Còn một số giáo viên trẻ chưa mạnh dạn, ít phát biểu đóng góp ý kiến trong các cuộc họp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì phối hợp việc xây dựng kế hoạch và giám sát thực hiện Qui chế dân chủ theo đúng qui định.

Từ năm học 2022 -2023, Hiệu trưởng cùng các Phó Hiệu trưởng cập nhật hồ sơ tiếp công dân khi xử lí các phản ánh, khiếu nại từ phụ huynh và các bộ phận.

Cử giáo viên trẻ tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học tư vấn các buổi hội thảo chuyên đề để giúp phát huy khả năng tự tin mạnh dạn phát biểu đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng*

*dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-01]; Phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Quy chế phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh với công an đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-03]; Phương án đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường ; cán bộ, giáo viên, nhân viên được kiểm tra sức khỏe định kỳ; nhà trường không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong những năm qua [H1-1.10-04]; [H1-1.10-08].

b) Trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và trao đổi qua điện thoại, tin nhắn để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Công an xã Xuân Thới Sơn, thường xuyên kiểm tra khu vực xung quanh trường để kịp thời phát hiện những tình huống gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trường học đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

c) Trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, hành vi bạo lực trong nhà trường; nhà trường đã tích cực xây dựng phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ chức các buổi ngoại khóa rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.10-05].

Mức 2:

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được tập huấn phương án phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-01]. Hàng tuần, học sinh được tuyên truyền, nhắc nhở về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, tệ nạn xã hội [H1-1.10-02], có tổ chức sinh hoạt về chuyên đề phòng chống bạo lực, quyền trẻ em [H1-1.10-06].

b) Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua hệ thống camera giám sát, hộp thư góp ý và hồ sơ quản lý kỷ luật học sinh [H1-1.10-07]. Hàng năm có công văn đề xuất với chính quyền địa phương phối hợp, hỗ trợ ngăn chặn các hành vi bạo lực ngoài cổng trường, các hành vi vi phạm an ninh trật tự như bán hàng rong, đua xe [H1-1.10-03]. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường chưa trật tự, ngay ngắn vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về, gây cản trở giao thông.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tích cực phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn tình trạng phụ huynh đậu xe trước cổng trường vào đầu giờ học sinh đến trường và cuối giờ học sinh ra về trật tự chưa ngay ngắn gây hạn chế việc lưu thông.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm lớp, Giám thị, tiếp tục giáo dục học sinh các kỹ năng và ý thức giữ gìn an ninh, an toàn trường học trong các buổi sinh hoạt dưới cờ; phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền, nhắc nhở cha mẹ học sinh giữ gìn an ninh, an toàn trường học.

Tổng phụ trách phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn giáo dục công dân, tuyên truyền an toàn giao thông vào tháng 9; nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ khâu an ninh trật tự tại cổng trường trong giờ cao điểm.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

Điểm mạnh nổi bật:

- Chiến lược phát triển nhà trường đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Điểm yếu cơ bản:

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Cán bộ quản lý của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào

đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức nhà giáo trong sáng, có năng lực lãnh đạo và quản lý chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công tác, quản lý chặt chẽ các hoạt động toàn diện của nhà trường, tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng.

Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao. Tinh thần đoàn kết nội bộ trong nhà trường được củng cố và phát triển không ngừng. Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ nhau trong những lúc khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống đời thường, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lí nhà trường có trình độ đạt chuẩn theo qui định: Trình độ chuyên môn Đại học và thời gian công tác đúng qui định [H2-2.1-01]. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn qui định, hoàn thành các lớp bồi dưỡng tập huấn về chính trị và có bằng trung cấp chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng trường Trung học cơ sở do trường Cán bộ quản lí Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [H2-2.1-01].

b) Hàng năm đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT về chuẩn Hiệu trưởng cơ sở Giáo dục phổ thông (Từ năm học 2018-2019 đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT) được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

[H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng Hiệu trưởng, bồi dưỡng quản lý cấp phòng, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, bồi dưỡng kiến thức An ninh quốc phòng, chính trị theo qui định [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2017-2018 đến nay, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo qui định và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp Cán bộ quản lý được cấp trên đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên và có năm được đánh giá tốt [H2-2.1-04]. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp tiếng anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài còn hạn chế.

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo qui định, có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực quản lý, chuyên môn vững vàng, được tập thể tín nhiệm.

**3. Điểm yếu**

Khả năng giao tiếp Tiếng Anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ nâng cao khả năng giao tiếp tiếng anh với giáo viên bản ngữ, nâng cao khả năng giao tiếp với tiếng anh với giáo viên bản ngữ và người nước ngoài, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong xu thế hội nhập hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2021-2022, nhà trường có 76 giáo viên trên 45 lớp, đạt tỷ lệ 1,68, đủ số lượng giáo viên giảng dạy các bộ môn theo quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn khung vụ trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; việc phân công bố trí giáo viên giảng dạy ở tất cả các bộ môn đúng theo quy định chế độ làm việc được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông [H2-2.2-01]; [H1-1.7-02].

b) Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT theo lộ trình đến năm 2025 sẽ đạt 100% giáo viên đạt chuẩn, hiện tại 73 giáo viên có bằng đại học sư phạm và cử nhân kèm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 7 giáo viên có bằng tốt nghiệp cao đẳng đang học liên thông đại học [H2-2.2-03],[H2-2.2-04].

c) Từ năm học 2017- 2018 đến nay, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Từ năm học 2017-2018 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo tăng dần theo từng năm học [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 76/76 đạt ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, từ năm 2017-2018 đến nay không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.10-05]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có

100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó không có đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo Thông tư 20/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.2-04].

b) Giáo viên có tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nhưng chưa có giáo viên nghiên cứu khoa học [H2-2.2-05].

**2. Điểm mạnh**

100% giáo viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.

Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Từ năm học 2017-2018 đến nay không có giáo viên bị hình thức kỷ luật.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có giáo viên nghiên cứu khoa học, chưa có phòng nghiên cứu khoa học.

Hiện tại còn 10 giáo viên chưa đạt trình độ đại học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ giáo viên, cử giáo viên tham gia khóa tập huấn hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Nhà trường động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để giao viên tham gia các hội thi nghiên cứu khoa học của ngành tổ chức.

Hiệu trưởng cử 10 giáo viên chưa có trình độ đại học tham gia học nâng chuẩn giai đoạn 2021-2025.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ nhân viên phụ trách các mảng hoạt động như: kế toán, văn thư kiêm học vụ, y tế, thư viện, thủ quỹ, nhân viên thiết bị, nhân viên công nghệ thông tin, bảo vệ và phục vụ theo đúng biên chế và theo quy định Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.3-01].

b) Đầu năm học, hiệu trưởng căn cứ văn bằng, giấy chứng nhận, năng lực, kinh nghiệm thực tế của từng nhân viên để ra quyết định phân công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng nhân viên [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

c) Nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, chủ động trong công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đánh giá công chức, viên chức cuối năm có 100% nhân viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận, 1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên học vụ, 1 nhân viên thiết bị, 1 nhân viên thư viện, 2 nhân viên kế toán, 1 nhân viên thủ quỹ, 1 nhân viên y tế, đáp ứng đầy đủ nhu cầu hoạt động của trường [H2-2.2-01].

b) Từ năm học 2017-2018 đến tại thời điểm đánh giá không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ trung cấp chuyên ngành kế toán, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp theo chuyên ngành, nhân viên văn thư và thư viện có bằng trung cấp, nhân viên thiết bị có bằng đúng vị trí việc làm, chưa tuyển được nhân viên công nghệ thông tin [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm như: kế toán tham gia các lớp tập huấn do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn, tổ chức về nghiệp vụ quản lý tài sản, tài chính; bảo vệ tham gia tập huấn kiến thức An ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy; phân công nhân viên văn thư phụ trách kiêm nhiệm công nghệ thông tin được tham gia tập huấn về sử dụng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý học sinh [H2-2.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Số lượng và cơ cấu nhân viên chưa đủ theo quy định theo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập ban hành kèm Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân viên còn thiếu theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 dựa trên số lượng biên chế được giao theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

Mức 1:

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2021-2022, trường có 2078 học sinh, độ tuổi của học sinh từ 11 tuổi đến 14 tuổi, học sinh tuyển mới vào học lớp 6 là 11 tuổi theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học,trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện tốt nội quy nhà trường, không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 38 và Điều 41 của Điều lệ trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học và các quy định trong Luật Trẻ em; đồng thời nhà trường xây dựng nội quy học sinh để cụ thể hóa các yêu cầu nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh [H2-2.4-02]. Tuy nhiên còn một vài học sinh lớp 6 và lớp 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa cao.

c) Học sinh được đảm bảo các quyền hưởng thụ giáo dục, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập theo Điều 39 Điều lệ trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học; được bảo vệ, đối xử bình đẳng; được tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường, được tham gia các phong trào nhằm phát triển năng khiếu nếu có đủ điều kiện, được nghe báo cáo chuyên đề pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, Luật Trẻ em [H2-2.4-03]. Đối với các học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường có chế độ miễn giảm các khoản tiền học phí ở hai học kì, Liên đội có chương trình hỗ trợ tập vở, đồng phục cho học sinh vào dịp khai giảng năm học và tặng quà Tết Nguyên đán hàng năm [H2-2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm quan tâm sâu sát việc thực hiện nội quy của học sinh, đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp; Tổng phụ trách Đội thường xuyên nhắc nhở học sinh toàn trường thông qua Đội trực ban Sao đỏ, giám thị quản lý trật tự nề nếp học sinh, học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời để ngăn chặn, xử lý, giáo dục và đã có chuyển biến tích cực, thực hiện tốt nội quy của lớp và nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có học sinh có thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, trường, của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, trường có học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố, các giải thể thao, thành tích của học sinh đã đóng góp tích cực đến các hoạt động hoạt động thi đua của trường [H2-2.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm.

Học sinh tham gia tích cực trong nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh giỏi cấp huyện và cấp thành phố đạt thành tích trong các kỳ thi.

Nhiều học sinh có năng khiếu trong phong trào thể dục thể thao.

**3. Điểm yếu**

Còn một vài học sinh lớp 6 và lớp 7 năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và nhữn năm tiếp theo, cán bộ, giáo viên nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào trường, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh. Bộ phận chuyên môn chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động, chú trọng giáo dục học sinh các năng lực tự phục vụ, tự quản và năng lực hợp tác thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động sinh hoạt chủ nhiệm theo chủ đề, chủ điểm. Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các buổi học tập trải nghiệm ngoài nhà trường cho các khối lớp để qua đó giáo dục cho học sinh các kỷ năng sống, trong đó có kỷ năng hợp tác để thực hiện các trò chơi nhóm, trò chơi vận động tập thể.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo cao. Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điểm yếu cơ bản:

- Số lượng và cơ cấu giáo viên, nhân viên chưa đủ theo quy định theo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi sạch đẹp; có đủ các phòng học và phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Trường có các khu nhà vệ sinh riêng biệt cho học sinh và giáo viên, có nơi để xe cho giáo viên và học sinh; có trang bị nước sạch đóng bình, có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường đạt chuẩn thư viện tiên tiến có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo, có đủ các loại sổ sách theo quy định. Không gian thư viện rộng, thoáng mát, phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, đủ chỗ cho học sinh khi vào đọc sách.

Hàng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.Trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập***

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

*c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

**Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn quan tâm, xây dựng cảnh quan trường lớp xanh-sạch-đẹp. Từ năm học 2017-2018 đến nay, hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, việc tôn tạo cảnh quan sư phạm càng được chú trọng nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh. Đầu tuần, vào tiết sinh hoạt dười cờ tiết sinh hoạt chủ nhiệm đều giáo dục cho học sinh ý thức bảo vệ môi trường không gian sân trường và lớp học, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, trang trí và chăm sóc cây xanh trong không gian lớp học. Nhà trường luôn quan tâm tạo nên môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp, thoáng mát phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cổng chính có biển tên trường được đặt cổng chính, phù hợp, kiên cố ; xung quanh trường có hệ thống tường rào được thiết kế an toàn, tạo điều kiện tốt cho công tác dạy và học của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có trang bị sân bóng rổ, bóng đá, cầu lông và một số dụng cụ phục vụ bộ môn Thể dục, để luyện tập sức khỏe và các hoạt động giáo dục của nhà trường; sân trường được lát gạch bằng phẳng đảm bảo an toàn cho các em trong các hoạt động học tập và vui chơi [H3-3.1-02].

Mức 2:

Trường có khối nhà thể thao đa năng với diện tích 300 m2. Trường có sân chơi rộng 6400 m2, chiếm 53,9% so với diện tích toàn trường, sân chơi là sân tập thể dục cho học sinh nhưng chưa đảm bảo diện tích sân tập, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

Mức 3:

Trường có tổng diện tích là 11859 m2 (trong đó diện tích sân chơi bãi tập là 6400 m2 chiếm tỷ lệ 53,9% so với diện tích đất của trường).Năm học 2021-2022, trường có tổng số học sinh là 2075, diện tích sân chơi bình quân là 3,08 m2/học sinh, chưa đảm bảo diện tích sân chơi ít nhất 10m2/học sinh theo chuẩn quy định của trường ở vùng nông thôn. Khu sân chơi, bãi tập chung có trồng cây xanh nhưng thiếu bóng mát, có đủ thiết bị phục vụ cho học tập thể dục thể thao của học sinh [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn, có cổng trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học. Khuôn viên trường an toàn, đảm bảo vệ sinh, tạo nên môi trường học tập và làm việc tốt nhất cho giáo viên và học sinh.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiếu 6m2/học sinh đối với khu vực thành phố, không có sân dành riêng cho học sinh học thể dục.

Khuông viên nhiều cây xanh nhưng ít bóng mát.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng nhà trường gửi kiến nghị đề xuất với Ủy Ban nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng khu đất được quy hoạch phía sau trường (phần đất trống), để trường mở rộng đáp ứng chuẩn về cơ sở vật chất theo quy đinh của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng chỉ đạo lập kế hoạch trang bị thêm máy che sân tập thể dục cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập***

Mức 1:

1. *Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 35 phòng học, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát đủ số phòng học để đảm bảo cho 25 lớp học 02 buổi /ngày và 10 lớp học 1 buổi/ ngày [H3-3.1-01]. Nhà trường đảm bảo trang trí lớp đúng quy định như ảnh Bác, bảng 5 Điều Bác Hồ dạy [H3-3.1-02]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có các phòng học bộ môn bao gồm 01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh học, 03 phòng Tin học, được trang bị đầy đủ dụng cụ theo quy định [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng thư viện và 01 phòng truyền thống theo qui định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có các phòng học, phòng học bộ môn diện tích đảm bảo 48 m2 đạt tiêu chuẩn theo Quy định về phòng học bộ môn Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các phòng học được bố trí trên các dãy lầu 1, lầu 2

[H3-3.1-01].

b) Khối phục vụ học tập đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các hoạt động nhà trường, đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu cho hoạt động dạy và học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, việc quản lý, sử dụng các khối phòng nói trên được thực hiện có hiệu quả và theo các quy định hiện hành [H3-3.2-01]. Trường chưa có phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật hòa nhập [H1-1.6-07]; [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ khối phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế của giáo viên, bảng viết trong mỗi phòng học. Phòng Tin học các máy vi tính được kết nối internet phục vụ dạy học.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có khuyết tật hòa nhập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng đề xuất sửa chữa, mua sắm thêm máy vi tính để nâng cao hiệu quả dạy và học. Sắp xếp và biên chế các lớp học hợp lý để bố trí phòng phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị***

Mức 1:

*a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

*c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính - quản trị cơ bản đảm bảo theo đúng quy định gồm: 01 phòng hiệu trưởng diện tích 28 m2,02 phòng phó hiệu trưởng mỗi phòng diện tích 28 m2 ,01 phòng Tài vụ diện tích 28 m2, 01 phòng Đoàn - Đội - Truyền thống diện tích 8 m2,01 phòng y tế diện tích 28m2, 01 phòng thiết bị diện tích 35 m2,01 phòng thư viện diện tích 112 m2,01 phòng tiếp dân diện tích 14 m2, 01 phòng học vụ lưu trữ hồ sơ diện tích 12 m2, 01 phòng họp diện tích 56 m2, 01 phòng nghỉ giáo viên diện tích 15 m2, 01 phòng bảo vệ diện tích 8 m2

[H3-3.3-01].

b) Nhà trường có nơi để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 108 m2, được đặt ở vị trí thuận tiện ở gần cổng sau trường [H3-3.1-01]. Khu để xe học sinh ngay cổng vào đảm bảo an toàn trật tự, thuận tiện cho việc đi lại của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Khối hành chính -quản trị, được đưa vào sử dụng từ năm học 2016-2017 với đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động hành chính - quản trị: máy vi tính, máy in, máy Photocopy, kết nối internet [H3-3.2-01].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường có đủ các phòng theo quy định. Phòng giáo viên có trang bị máy vi tính và máy in cho từng tổ bộ môn, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc soạn giảng, cập nhật thông tin cũng như các hoạt động liên quan đến chuyên môn; có bố trí phòng nghỉ cho giáo viên nhưng diện tích còn hạn chế [H3-3.3-01].

Trường có một khu bếp ăn được thiết kế theo quy trình bếp ăn một chiều, được phân chia thành 05 khu vực: kho, khu tiếp phẩm, khu rửa, khu nấu, khu phân chia thức ăn và khu phát thức ăn cho học sinh. Học sinh bán trú ăn trưa ở khu nhà ăn riêng được trang bị đèn và quạt, đảm bảo vệ sinh, an toàn, thoáng mát. Học sinh bán trú được bố trí ngủ tại các phòng chức năng, lớp học, có chia các khu ngủ cho học sinh nam, nữ riêng biệt, các phòng đều có quạt hoặc máy điều hòa, được vệ sinh hàng ngày, định kỳ. Tất cả đều đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho học sinh [H3-3.3-02].

Mức 3:

Khối hành chính-quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học theo từng bộ phận, hệ thống đường truyền internet chưa ổn định, tốc độ đường truyền chậm, cấu hình máy tính yếu gây hạn chế trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu trực tuyến [H3-3.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào có khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị, phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Cấu hình máy tính yếu, hệ thống đường truyền internet chưa ổn định, tốc độ đường truyền chậm gây hạn chế trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu trực tuyến.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng đề xuất nâng cấp đường truyền internet và cấu hình máy vi tính để nâng cao hiệu quả các phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động hành chính, quản lý trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo*

*không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh*

*khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; được chia thành các khu riêng cho nam và nữ; thiết kế tại vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo sự an toàn, thuận tiện; được xây dựng bằng xi măng, tường có ốp gạch men vững chắc, sạch sẽ, đáp ứng yêu cầu về vệ sinh, khô thoáng, có đủ ánh sáng, có cây xanh.[H3-3.1-02].

b) Hệ thống thoát nước được đấu nối với hệ thống cống thoát nước bên ngoài không làm ô nhiễm môi trường, không ngập nước mỗi khi trời mưa

[H3-3.1-01]. Nước uống của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên là nước đóng bình được định kỳ xét nghiệm, nguồn nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo các quy định của Bộ Y tế [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

c) Hàng năm nhà trường ký hợp đồng thu gom rác và thực hiện xử lý rác thải theo quy định của Bộ Y tế, thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại nguồn, việc thu gom rác thải được thực hiện hai ngày/lần [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Vị trí các khu nhà vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, sạch sẽ an toàn và thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-01]; Loại hình nhà tiêu sử dụng bảo đảm các yêu cầu về xây dựng, sử dụng và bảo quản theo quy định của Bộ Y tế (QCVN 01: 2011/BYT) [H3-3.1-01]; [H3-3.4-04]. Tuy nhiên, trường chưa có nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ.

b) Trường có hệ thống nước sạch của nhà máy nước, có hệ thống thoát nước đạt yêu cầu, không làm ô nhiễm môi trường; trường có hợp đồng với đội thu gom rác dân lập xã Xuân Thới Sơn để thực hiện thu gom rác 6lần/tuần đảm bảo vệ sinh môi trường đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

Chưa bố trí nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tiến hành cải tạo buồng vệ sinh nữ thành nhà vệ sinh kinh nguyệt cho các em học sinh nữ, đảm bảo vụ cho việc sinh hoạt của học sinh nhà trường thuận lợi.

Bộ phận bảo vệ và tạp vụ tiếp tục thường xuyên kiểm tra hệ thống nước, nhà vệ sinh, khu vực thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*с) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đủ các thiết bị văn phòng: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, hệ thống loa phát thanh và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01]; [H3-3.2-02]

b) Phòng thiết bị có đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu cho từng bộ môn theo Thông tư 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; hàng năm được bổ sung để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên. Trong giảng dạy, giáo viên thực hiện đúng yêu cầu về việc sử dụng trang thiết bị dạy và học trong các giờ lên lớp [H3-3.5-02].

c) Hàng năm, sau khi kết thúc năm học nhà trường thực hiện việc kiểm kê số lượng từng loại thiết bị, có kế hoạch sửa chữa và mua sắm bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của việc đổi mới phương pháp dạy học [H3-3.2-03]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường có 02 đường truyền Internet cáp quang, hệ thống máy tính của Cán bộ quản lý, văn phòng, thư viện, phòng Tin học đều được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

b) Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hàng năm được bổ sung để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên [H3-3.5-02].

c) Hàng năm,nhà trường đều thực hiện kiểm kê, rà soát, đánh giá việc bảo quản và sử dụng đồ dùng, thiết bị để có kế hoạch bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm [H3-3.5-04].

Mức 3:

Việc sử dụng đồ dùng dạy học được trang bị cũng như đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên đôi lúc chưa thật hiệu quả, chưa phát huy hết tác dụng của đồ dùng dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo đầy đủ trang thiết bị dạy và học cho tất cả các bộ môn theo quy định. Hàng năm,bộ phận thiết bị đều có kiểm kê để có kế hoạch sửa chữa và mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị để phục vụ dạy và học.

**3. Điểm yếu**

Thiết bị dạy học tự làm khai thác và sử dụng chưa được hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thiết bị xây dựng kế hoạch hội thi đồ dùng dạy học nhằm khuyến khích giáo viên tự làm thêm các đồ dùng dạy học để phục vụ hiệu quả cho tiết dạy.

Cán bộ quản lý khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tự làm đồ dùng dạy học phục vụ hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện được nhà trường trang bị đầy đủ các đầu sách như báo, tạp chí, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách pháp luật, truyện thiếu nhi, ... phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh các hoạt động dạy, học, nghiên cứu và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-03].

b) Hoạt động của thư viện từ 7 giờ 00 phút đến 11giờ 00 phút và từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút mỗi ngày; trong mỗi năm học**,** thư viện nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động như: Hội thi kể chuyện theo sách, giới thiệu sách mới, triển lãm sách hay trong tháng cho học sinh; Hội thi Lớn lên cùng sách; hoạt động của thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc sách, nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh và đã thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.6-03].

c) Hàng năm vào tháng 6, sau khi kết thúc năm học, nhân viên thư viện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo nhằm đáp ứng nhu cầu tối thiểu về nghiêm cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.5-04]; [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện nhà trường hàng năm được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại tiên tiến [H1-1.6-18]; [H3-3.6-02].

Mức 3:

Nhà trường đã trang bị 01 máy vi tính phục vụ cho công tác chuyên môn của nhân viên thư viện; thư viện nhà trường hàng năm được đánh giá xếp loại tiên tiến [H3-3.6-02]; [H1-1.6-18]. Tuy nhiên, nhân viên thư viện trường chưa cập nhật quản lý đầu sách trên cổng thông tin điện tử.

**2. Điểm mạnh**

Thư viện thường xuyên chú trọng việc bổ sung nhiều tài liệu, sách báo phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện nhà trường được công nhận thư viện tiên tiến.

**3. Điểm yếu**

Thư viện trường chưa có cập nhật quản lý đầu sách trên Cổng thông tin điện tử để thuận lợi cho việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện tiếp tục bổ sung thêm đầu sách từ nguồn kinh phí hàng năm để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất trang bị bổ sung thêm máy vi tính có cấu hình mạnh giúp nhân viên thư viện cập nhật, quản lý đầu sách trên Cổng thông tin điện tử, để thuận lợi phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường phấn đấu đạt thư viện xuất sắc.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

Điểm mạnh nổi bật

- Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điểm yếu cơ bản

- Chưa cập nhật quản lý đầu sách trên Cổng thông tin điện tử để thuận lợi cho việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó, trường đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện Cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn, phối hợp tốt với Ủy Ban nhân dân, các đoàn thể xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường và của từng lớp, được bầu ra vào đầu mỗi năm học theo đúng Điều lệ được ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban và các ủy viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu chọn theo đúng hướng dẫn và hoạt động theo đúng quy định [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT; Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế hoạt động, đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học và được thống nhất trong tập thể cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ, có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, có ý kiến đóng góp tích cực với nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh; tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh họp theo định kỳ 01 năm 03 lần (đầu năm học, cuối học kì I và cuối học kì II) và họp đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp hiệu trưởng giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh; trong các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh đã hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh bỏ học ra lớp [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động cùng với nhà trường thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02]. Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đều có công việc cá nhân nên đôi lúc gặp khó khăn về thời gian trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh bỏ học ra lớp.

**3. Điểm yếu**

Còn 03 thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đều có công việc cá nhân nên đôi lúc gặp khó khăn về thời gian trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương trong công tác giáo dục.

Vào đầu năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp nghiên cứu kỹ lý lịch học sinh, tìm hiểu kỹ các đối tượng cha mẹ học sinh để giới thiệu đến cha mẹ học sinh trong hội nghị Cha mẹ học sinh nhằm bầu chọn ra Ban đại diện cha mẹ học sinh có tâm huyết, nhiệt tình, sắp xếp thời gian làm tốt vai trò cầu nối giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân*

*đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn về kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; phối hợp với các ấp hỗ trợ và vận động trẻ đến tuổi ra lớp, học sinh bỏ học trở lại lớp [H1-1.1-02].

b) Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an, ... trong việc giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác như: tổ chức buổi tuyên truyền giáo dục Luật an toàn giao thông, giáo dục giới tính; báo cáo chuyên đề, sinh hoạt truyền thống các ngày lễ lớn, phối hợp với công an xã đăng ký các tiêu chí nhà trường “An toàn về an ninh trật tự”; thực hiện các tiêu chí đánh giá công sở văn hóa; Sự phối hợp trên đã đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục học sinh [H4-4.2-07].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường [H4-4.2-02]. Vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh, khen thưởng học sinh cuối năm; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, tặng quà Tết Nguyên đán học sinh hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; khen thưởng học sinh có nhiều tiến bộ vươn lên trong học tập từ nguồn quỹ khuyến học để động viên các em. Tuy nhiên, nguồn kinh phí vận động còn hạn chế [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; báo cáo kịp thời với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn các vấn đề khó khăn, phức tạp trong và bên ngoài trường: vấn đề giao thông, an ninh trật tự, an toàn xã hội trước cổng trường [H4-4.2-04].

b) Hàng năm,nhà trường phối hợp với Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội phối hợp với Đoàn xã Xuân Thới Sơn tổ chức cho học sinh đi tham quan học tập ngoại khoá tại các khu di tích lịch sử: Bảo tàng lịch sử Hóc Môn, Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, Khu di tích địa đạo Củ Chi, Bia tưởng niệm Liệt sĩ xã Xuân Thới Sơn... kết hợp với giáo viên bộ môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, giáo viên chủ nhiệm lồng ghép trong các tiết dạy, qua đó đã giáo dục tốt học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc [H1-1.8-01]; [H4-4.2-05]. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục. Hàng năm vào các dịp lễ tết, nhà trường tổ chức thăm viếng tặng quà cho Mẹ Việt Nam Anh hùng, khu Địa chỉ đỏ, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn [H4-4.2-06]; phối hợp với Ủy Ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn tuyên truyền về biển đảo, tháng an toàn giao thông; phối hợp với Công an xã Xuân Thới Sơn tuyên truyền về thực hiện Luật Giao thông; phối hợp với bộ phận chuyên trách y tế và giáo viên bộ môn Sinh học, giáo viên bộ môn Giáo dục công dân thực hiện các chuyên đề về pháp luật, kỹ năng sống [H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động của trường. Từ những kết quả đã đạt được, nhà trường đang phấn đấu việc xây dựng trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Huy động được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cha mẹ học sinh và các tổ chức,cá nhân trong công tác khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**3. Điểm yếu**

Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế. Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022- 2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc huy động có hiệu quả các nguồn lực để chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; chú ý phát huy vai trò của Chi hội Khuyến học nhà trường trong việc vận động nguồn lực tự nguyện để hỗ trợ nhà trường việc khuyến học, khuyến tài. Vào dịp cuối năm, Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm chọn 1 học sinh có hoàn cảnh khó khăn trao quà tết cho học sinh.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể địa phương

phấn đấu xây dựng trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Điểm mạnh nổi bật:

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

- Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**

Trong các năm học, nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch giáo dục tới toàn thể hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các bộ phận, các tổ đều nắm vững các biện pháp thực hiện kế hoạch đề ra. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong năm học, nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định, tập trung chỉ đạo công tác chuyên môn đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đaọ học sinh yếu kém, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao, thực hiện tốt việc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. Do vậy, các năm học qua kết quả học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan về học lực cũng như chất lượng hạnh kiểm học sinh toàn trường luôn giữ vững. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng thúc đẩy thành tích chung của nhà trường.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông***

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

*c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh khó khan trong học tập và rèn luyện.*

Mức 3:

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, căn cứ tình hình thực tiễn tại đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần; tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo các mục tiêu giáo dục trong nhà trường [H1-1.8-01].

b) Bộ phận chuyên môn và toàn thể giáo viên quán triệt tinh thần phải đảm bảo chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chú trọng các nội dung liên hệ thực tế trong xây dựng và thực hiện bài dạy; dạy học thông qua các hoạt động, phương pháp, kỹ thuật tích hợp và tích cực; xác định người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình dạy và học, người thầy chỉ là người tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ; bên cạnh đó, nhà trường chú trọng thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học; trong quá trình dạy học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện cho người học các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đồng thời giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong giờ dạy bộ môn; giáo viên của trường luôn tích cực trong đổi mới phương pháp, vận dụng phương pháp: “Bàn tay nặn bột”, “Dạy học theo dự án”, “Học tập trải nghiệm sáng tạo”, “Giáo dục STEM”, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy [H1-1.6-13].

c) Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên tăng cường thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt tất cả các môn [H1-1.2-05]. Nhà trường thực hiện hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định, đảm bảo tính khách quan và hiệu quả. Nội dung kiểm tra bảo đảm tính chính xác, hệ thống câu hỏi rõ ràng, nội dung câu hỏi theo tiến độ bài dạy, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình, chú trọng câu hỏi vận dụng và câu hỏi liên hệ thực tiễn cuộc sống [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn thực hiện đúng kế hoạch, chương trình, thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định, không cắt xén chương trình; luôn đảm bảo khung chuẩn kiến thức, kỹ năng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; giáo viên chú trọng sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức và năng lực, phẩm chất của học sinh.

Giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học theo hướng phát huy năng lực học sinh. Thực hiện dạy tích hợp liên môn, dạy học theo chủ đề; có liên hệ thực tế, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh. Chú ý giáo dục kỹ năng sống qua tiết sinh hoạt dưới cờ, trong giờ dạy các bộ môn Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lý, Âm Nhạc, Thể dục. Tăng cường đổi mới đánh giá, xếp loại học sinh, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt các bộ môn [H1-1.4-03].

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện ngay từ đầu năm học theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.2-04]. Xây dựng kế hoạch tổ chức giải truyền thống bằng hình thức kiểm tra kiến thức các môn văn hóa để tạo đội nồng cốt bồi dưỡng học sinh giỏi dự thi cấp huyện và cấp Thành phố [H5-5.1-05].

Mức 3:

Công tác kiểm tra của cán bộ quản lý và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn tiến hành chưa thường xuyên, chưa nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy của giáo viên và kết quả học của học sinh [H1-1.4-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan và hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Công tác kiểm tra của Cán bộ quản lý và các tổ trưởng chuyên môn tiến hành chưa thường xuyên; tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục chưa phát huy hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng dạy của giáo viên và kết quả học của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn trong buổi họp chuyên môn hàng tháng phải phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục trong tháng đó cụ thể hơn, phân tích kĩ và sâu hơn; phân tích hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Cán bộ quản lý khuyến khích giáo viên tiếp tục tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên trong học tập của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2:

*Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.*

Mức 3:

*Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức phụ đạo học sinh yếu nhằm nâng cao kết quả học tập, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh dự thi cấp thành phố và học sinh học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Trong các tiết dạy, nhà trường yêu cầu giáo viên chú ý phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, tăng cường việc luyện tập củng cố kiến thức theo yêu cầu và khả năng học tập của từng đối tượng học sinh; có tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng tháng để kịp thời biểu dương học sinh [H1-1.6-07].

c) Mỗi học kì, nhà trường đều tổ chức họp sơ kết, tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm và xếp loại kết quả học tập của học sinh, từ đó tìm ra các biện pháp hữu hiệu, phân công giáo viên giỏi, có kinh nghiệm bồi dưỡng các học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện của nhà trường [H5-5.1-05].

Mức 2:

Nhà trường hỗ trợ miễn, giảm học phí, cấp học bổng, tặng quần áo, sách vở tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tham gia học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện thông qua các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, các buổi sinh hoạt đội, các tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi cắm trại, dã ngoại, hoạt động ngoại khoá, Tổng phụ trách Đội, Ban Chỉ huy Liên đội và giáo viên chủ nhiệm phổ biến kiến thức, kỹ năng về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho đội viên, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H2-2.4-02]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố, các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao. Tuy nhiên, số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố của nhà trường chưa cao [H2-2.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**3. Điểm yếu**

Số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố của nhà trường chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục theo dõi công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phân công giáo viên nhiều kinh nghiệm, tâm huyết để phân công bồi dưỡng cho học sinh. Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức chuyên đề trao đổi về kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, tăng cường phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục. Giáo viên Thể dục vận động học sinh tham gia tốt các hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định***

Mức 1:

*a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*

*b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*

*c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng đã chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt việc giảng dạy lịch sử địa phương cho tổ bộ môn (Lịch sử, Ngữ văn, ...) lên kế hoạch cụ thể lồng ghép truyền thống địa phương trong các tiết dạy; tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học, qua đó, các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, truyền thống quê hương 18 Thôn Vườn Trầu, khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H1-1.8-01]; [H1-1.10-05].

b) Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; tổ chức kiểm tra việc học lịch sử địa phương qua việc lồng ghép nội dung vào đề kiểm tra học kì [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

c) Hàng năm, các tổ trưởng ở các bộ môn có rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân gắn liền với thực tế địa phương. Tuy nhiên, việc cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương chưa được phong phú [H1-1.4-03]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. [H1-1.4-03]; [H1-1.8-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào thuộc địa bàn huyện Hóc Môn là địa phương giàu truyền thống lịch sử cách mạng nên thuận lợi cho việc thực hiện giáo dục địa phương. Nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân gắn liền với thực tế địa phương.

**3. Điểm yếu**

Công tác rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm và bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Phó Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cho giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong giáo án phù hợp với thực tiễn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*

*b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*

*c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

*b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vào đầu mỗi năm học theo quy định và điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01]; [H2-2.2-06].Tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề của tổ trong mỗi năm học [H1-1.4-03].

b) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức đúng kế hoạch; tổ chức hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 ở các trường Trung cấp nghề, liên kết phối hợp với các trường trung học phổ thông công lập và tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9 [H1-1.10-05].

c) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được sự tham gia của các lực lượng giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.10-05]. Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phân công cán bộ quản lý, Ban chấp hành Chi đoàn, tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh [H5-5.4-01].

Mức 2:

a) Từ tháng 8 năm 2020, Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với tình hình học sinh và đạt kết quả thiết thực [H5-5.4-01].Tuy nhiên, tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường chưa nhiều.

b) Vào tháng 5, sau khi tổng kết năm học, cán bộ quản lý nhà trường rà soát đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh của trường được tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Nhà trường thực hiện tốt các chủ đề hướng nghiệp theo quy định, góp phần làm cơ sở để thực hiện tốt hơn công tác tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

Trường thực hiện hướng nghiệp dạy nghề theo đúng quy định đáp ứng nguyện vọng học sinh.

**3. Điểm yếu**

Tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm ngoài nhà trường chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo ,Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp lồng ghép nội dung phong phú, đa dạng. Tiếp tục chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc hướng nghiệp, dạy và học nghề; tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm đa dạng, thu hút 100% học sinh tham gia.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;*

*b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

*c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2:

*a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

*b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

*Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hướng nghiệp cho học sinh nhằm hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng chống xâm hại tình dục [H1-1.8-01]; [H2-2.2-06]; [H5-5.5-01];

b) Trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt chủ nhiệm, tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhà trường đã thường xuyên tổ chức rèn luyện các kỹ năng cho học sinh thông qua các chuyên đề [H1-1.10-05]. Tổ chức các hoạt động tập thể về cách ứng xử nơi công cộng, giáo dục về an toàn giao thông, ý thức vệ sinh môi trường sư phạm, phòng chống các tác hại của chất kích thích gây nghiện, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, thực hành tính tiết kiệm điện - nước [H4-4.2-05]. Thực hiện phòng chống đuối nước cho 100% học sinh [H5-5.5-02]. Thông qua các hoạt động giáo dục, ý thức của học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.6-01];

c) Hàng năm chuyên trách y tế nhà trường tuyên truyền giáo dục và tư vấn về sức khoẻ, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ: cách phòng chống bệnh, hướng dẫn cách giữ gìn sức khỏe, bảo vệ bản thân; có kế hoạch tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, phòng chống các dịch bệnh trong nhà trường để bảo vệ sức khoẻ học sinh; từ hoạt độngđó đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-03]

Mức 2:

a) Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện: cho học sinh tự nhận xét bài làm của mình và của bạn; tự tính điểm trung bình môn, trung bình học kỳ, cả năm, tự xếp loại học lực, hạnh kiểm của mình, của bạn theo văn bản 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng; từ đó giúp học sinh xác định mục tiêu cụ thể trong học tập và rèn luyện [H1-1.5-02].[H5-5.5-04]

b) Học sinh bước đầu vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn thông qua các chủ đề STEM ở các môn học [H1-1.6-07]. Tuy nhiên vẫn còn một số học sinh khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn còn thụ động, hạn chế.

Mức 3:

Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hội thi Khoa học kỹ thuật với những đề tài đơn giản, vừa sức với học sinh trung học cơ sở. Tuy nhiên số lượng học sinh tham gia còn ít [H5-5.5-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức giáo dục kĩ năng sống giúp học sinh hình thành, phát triển các kĩ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Học sinh có chuyển biến tích cực về đạo đức lối sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

**3. Điểm yếu**

Khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của một số học sinh còn thụ động, hạn chế. Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, thu hút học sinh tham gia, rèn luyện. Giáo viên trao đổi với cha mẹ học sinh, vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Tháng 5 năm 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, đoàn, đội xây dựng kế hoạch tổ chức đa dạng, phong phú các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ nhằm phát huy năng lực, sở trường và đáp ứng nhu cầu được học tập, sinh hoạt vui chơi của học sinh, thu hút học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.*

*b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:*

*- Vùng khó khăn: không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;*

*- Các vùng còn lại: không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều có thống kê tổng hợp kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh; kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu của nhà trường [H2-2.3-02].

\* Học lực:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2021-2022** | **2022-2023** |
| Tỉ lệ học lực học sinh trung bình, khá, giỏi  ( lên lớp). | 2093/2221  94,2% | 2209/2323  95,0% | 2343/2391  98,0% | 2248/2313  97,1% | 1849/1938  95,4% |

\* Hạnh kiểm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2021-2022** | **2022-2023** |
| Tỉ lệ hạnh kiểm xếp loại trung bình, khá, tốt | 2218/2221  99,8% | 2312/2323  99,5% | 2291/2391  95,9% | 2249/2313  97,2% | 1936/1938  99,9% |

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.7-05].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2021-2022** | **2022-2023** |
| Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Tỉ lệ học sinh lên lớp (sau thi lại) | 97,2% | 97,2% | 98,8% | 98,1% | 95,4% |

c) Kết quả định hướng phân luồng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở không trúng tuyển vào lớp 10 công lập đảm bảo theo kế hoạch của nhà trường: học sinh không trúng tuyển vào lớp 10 công lập tiếp tục học ở các trường trung cấp nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường phổ thông ngoài công lập. Trường liên kết với trường Trung cấp nghề Bách Nghệ huyện Hóc Môn, liên kết phối hợp với các trường trung học phổ thông dân lập và tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9. Đối với các học sinh không đạt điểm nguyện vọng trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, nhà trường tiếp tục tư vấn phụ huynh và học sinh để các em có thể tiếp tục học ở trường trung cấp nghề, trường dân lập, trung tâm giáo dục thường xuyên [H5-5.6-01]; [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm và tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp thay đổi theo từng năm, có chuyển biến tích cực kể từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020 - 2021 [H1-1.7-05]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.7-05]. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh đạt kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa cao.

Mức 3:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt từ 37,8%% trở lên [H1-1.7-05].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 880/2323  37,8% | 1205/2391  50,4% | 1131/2313  48,9% | 1000/2075  48,2% | 848/1938  43,76% |

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt từ 31,6% trở lên [H1-1.7-05].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 821/2323  35,3% | 793/2391  33,2% | 762/2313  32,9% | 656/2075  31,6% | 634/1938  32,7% |

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường được kéo giảm [H1-1.7-05].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 114/2323  4,9% | 48/2391  2,0% | 65/2313  2,8% | 50/2075  2,4% | 89/1938  4,6% |

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường đạt ít nhất từ 97,1% trở lên [H1-1.7-05].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá | 2262/2323  97,3% | 2287/2391  95,7% | 2287/2313  98,8% | 2070/2075  99,7% | 1908/1938  99,9% |

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Trường có tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 2,0 %, tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 3,0 % [H1-1.7-05].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Tỷ lệ học sinh bỏ học | 3/2323  0,13% | 16/2391  0,66% | 02/2313  0,09% | 03/2078  0,14% | 09/1938  0,04% |
| Tỷ lệ học sinh lưu ban | 65/2323  2,8% | 26/2391  1,1% | 67/2313  2,9% | 50/2075  2,4% | 20/1938  1,0% |

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Công tác tư vấn chọn nguyện vọng tuyển sinh 10 chưa đạt hiệu quả, tỷ lệ học sinh đạt kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và phát triển hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa cho học sinh, đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh, và định hướng phân luồng học sinh từ đầu năm theo kế hoạch của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Điểm mạnh nổi bật:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

- Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

- Công tác tư vấn chọn nguyện vọng tuyển sinh 10 chưa đạt hiệu quả, tỷ lệ học sinh đạt kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

**PHẦN III.**

**KẾT LUẬN CHUNG**

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào được hoàn thành, phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển nhà trường, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào tự đánh giá mức chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tỉ lệ: 100%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28 tỉ lệ: 0%.

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 20/28 tỉ lệ: 71,4,0%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 08/28 tỉ lệ: 28,6%.

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 01/20 tỉ lệ: 05%.

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 19/20 tỉ lệ: 95%.

- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào : Mức 1;

- Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy, chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hóc Môn, ngày 23 tháng 8 năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  (Đã ký)  **Võ Thị Đào** |

**PHẦN IV. PHỤ LỤC**

**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

| **Tiêu chí** | **Số tt** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, …** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú**  **(Nơi lưu trữ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H1-1.1-02] | Nghị Quyết Đại Hội Đảng Bộ xã Xuân Thới Sơn | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Ban chấp hành Đảng bộ xã Tân Hiệp | Chi bộ |
| 3 | [H1-1.1-03] | Hình ảnh niêm yết công khai Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định công nhận Hội đồng trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 2 | [H1-1.2-02] | Hội đồng tuyển sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.2** | 3 | [H1-1.2-03] | Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H1-1.2-04] | Biên bản họp Hội đồng trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 5 | [H1-1.2-05] | Hội đồng coi thi chấm thi | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 6 | [H1-1.2-06] | Hội đồng coi thi chấm thi kiểm tra lại | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 7 | [H1-1.2-07] | Hội đồng thi đua khen thưởng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ Công đoàn | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Công đoàn | Chủ tịch  Công đoàn |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ Chi đoàn | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chi đoàn | Bí thư  Chi đoàn |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ Liên đội | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Tổng phụ trách | Tổng phụ trách |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Chi hội Khuyến học | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ Chi Hội chữ thập đỏ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Nhân viên Y tế |
| 6 | [H1-1.3-06] | Hồ sơ chi bộ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chi bộ | Thư ký Chi bộ |
| 7 | [H1-1.3-07] | Hình ảnh tham gia phong trào của học sinh, giáo viên. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chi đoàn | Bí thư  Chi đoàn |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn | Nhân viên kế toán |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó và thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.4-03] | Kế hoạch tổ chuyên môn | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Tổ trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Biên bản họp tổ chuyên môn, tổ Văn phòng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Tổ trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.4-05] | Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 6 | [H1-1.4-06] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ (Kế hoạch, quyết định, biên bản, báo cáo, danh sách, phiếu dự giờ) | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Phó Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Danh sách lớp | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Nhân viên công nghệ thông tin |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ chủ nhiệm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Giáo viên  chủ nhiệm | Văn thư |
| 3 | [H1-1.5-03] | Danh sách giáo viên chủ nhiệm theo từng năm học | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H1-1.5-04] | Danh sách thông tin lớp học theo từng năm học. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Giáo viên  chủ nhiệm | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.6**  **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ khen thưởng học sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H1-1.6-02] | Sổ đăng bộ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Học vụ |
| 3 | [H1-1.6-03] | Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Học vụ | Học vụ |
| 4 | [H1-1.6-04] | Sổ theo dõi chuyển đi chuyển đến | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Học vụ | Học vụ |
| 5 | [H1-1.6-05] | Học bạ của học sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Học vụ  Giáo viên chủ nhiệm | Học vụ |
| 6 | [H1-1.6-06] | Sổ đầu bài | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Học vụ  Giáo viên chủ nhiệm | Học vụ |
| 7 | [H1-1.6-07] | Sổ quản lý tài sản | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Kế toán | Kế toán |
| 8 | [H1-1.6-08] | Hồ sơ quản lý hành chính | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Kế toán | Kế toán |
| 9 | [H1-1.6-09] | Hồ sơ lưu công văn đi, công văn đến | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Văn thư | Văn thư |
| 10 | [H1-1.6-10] | Sổ quản lý đồ dùng dạy học | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên thiết bị | Nhân viên thiết bị |
| 11 | [H1-1.6-11] | Sổ theo dõi sức khỏe học sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên Y tế | Nhân viên Y tế |
| 12 | [H1-1.6-12] | Giáo án | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng  Giáo viên bộ môn | Học vụ |
| 13 | [H1-1.6-13] | Kế hoạch giảng dạy | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng  Giáo viên bộ môn | Học vụ |
| 14 | [H1-1.6-14] | Sổ dự giờ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng  Giáo viên bộ môn | Học vụ |
| 15 | [H1-1.6-15] | Sổ điểm cá nhân | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng  Giáo viên bộ môn | Học vụ |
| 16 | [H1-1.6-16] | Sổ quản lý tài chính | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Kế Toán | Kế Toán |
| 17 | [H1-1.6-17] | Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Kế Toán | Kế Toán |
| 18 | [H1-1.6-18] | Kế hoạch kiểm tra nội bộ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 19 | [H1-1.6-19] | Quy chế chi tiêu nội bộ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 20 | [H1-1.6-20] | Thông tin phần mềm quản lý tài chính | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Kê Tooán |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Công văn, danh sách cử đi học | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.7-03] | Danh sách phân công giảng dạy | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
|  | 4 | [H1-1.7-04] | Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Chủ tịch  Công đoàn | Chủ tịch  Công đoàn |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục | 2016 - 2017  2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.8-02] | Biên bản họp Hội đồng sư phạm triển khai quy định dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng,  Chủ tịch công đoàn | Chủ tịch  công đoàn |
| 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ xử lý khiếu nại, tố cáo | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.9-03] | Báo cáo thực hiện qui chế dân chủ cơ sở. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H1-1.9-04] | Biên bản giám sát của Thanh tra nhân dân, biên bản kiểm tra nội bộ. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Ban Thanh tra nhân dân | Trưởng Ban Thanh tra nhân dân |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ phòng cháy chữa cháy | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên y tế | Nhân viên y tế |
| 3 | [H1-1.10-03] | Quy chế phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh, công an | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H1-1.10-04] | Biên bản kiểm tra vệ sinh An toàn thực phẩm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Bệnh viện huyện Hóc Môn  Nhân viên y tế | Nhân viên y tế |
| 5 | [H1-1.10-05] | Hình ảnh ngoại khóa, kỹ năng sống | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chi đoàn,  Liên đội | Phó Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Hình ảnh sinh hoạt chuyên đề | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Chi đoàn,  Liên đội | Phó Hiệu trưởng  Tổng phụ trách |
| 7 | [H1-1.10-07] | Sổ quản lý kỷ luật | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng Giám thị | Phó Hiệu trưởng |
| 8 | [H1-1.10-08] | Giấy chứng nhận trường học an toàn. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ quy hoạch chuẩn Cán bộ quản lý | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Thư ký chi bộ |
| 2 | [H2-2.1-02] | Quyết định công nhận chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn | Kế toán |
| 3 | [H2-2.1-03] | Chứng chỉ bồi dưỡng Phó Hiệu trưởng, trung cấp chính trị | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Trường cán bộ quản lý | Kế toán |
|  | 4 | [H2-2.1-04] | Biên bản đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của hội đồng sư phạm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Hợp đồng thỉnh giảng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Kế toán | Kế toán |
| 2 | [H2-2.2-02] | Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H2-2.2-03] | Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo của từng năm. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H2-2.2-04] | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 5 | [H2-2.2-05] | Kế hoạch hướng dẫn học sinh tham gia nghiêm cứu khoa học | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng  Văn thư |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Quyết định phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H2-2.3-02] | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Nhân viên công nghệ thông tin  Văn thư |
| **Tiêu chí 2.4** | 1 | [H2-2.4-01] | Sổ gọi tên, ghi điểm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Học vụ | Học vụ |
| 2 | [H2-2.4-02] | Sổ kỷ luật học sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Giám thị | Giám thị |
| 3 | [H2-2.4-03] | Hình ảnh học sinh tham hoạt động giáo dục, hoạt động phong trào | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
|  | 4 | [H2-2.4-04] | Hình ảnh trao học bổng, hội trại, tổng kết khen thưởng, ... | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
|  | 5 | [H2-2.4-05] | Quyết định, danh sách học sinh được khen thưởng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hồ sơ thiết kê xây dựng của trường, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn | Kế toán |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh cổng trường, sân trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Kế hoạch sửa chữa của UBND huyện. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.2-02] | Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất của trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng  Kế toán | Kế toán |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh các phòng hành chính quản trị | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.3-02] | Hình ảnh khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Trung tâm y tế | Nhân viên y tế |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Kết quả xét nghiệm nước uống học sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Trung tâm y tế | Nhân viên y tế |
| 2 | [H3-3.4-02] | Hợp đồng nước uống giáo viên, kết quả xét nghiệm nước. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Nhân viên y tế, Kế toán | Nhân viên y tế |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hợp đồng thu gom rác | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng  Kế toán | Kế toán |
| 4 | [H3-3.4-04] | Hình ảnh nhà vệ sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên thiết bị | Nhân viên  thiết bị |
| 2 | [H3-3.5-02] | Sổ đăng kí đồ dùng dạy học. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên thiết bị | Nhân viên  thiết bị |
| 3 | [H3-3.5-03] | Kế hoạch sửa chữa, mua sắm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Kế toán | Kế toán |
| 5 | [H3-3.5-04] | Biên bản kiểm kê tài sản | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Kế toán | Kế toán |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Kế hoạch bổ sung sách | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên  thư viện | Nhân viên  thư viện |
| 2 | [H3-3.6-02] | Biên bản kiểm tra thư viện. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phòng Giáo dục và Đào tạo | Nhân viên  thư viện |
| 3 | [H3-3.6-03] | Hồ sơ quản lý thư viện | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên thư viện | Nhân viên thư viện |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Danh sách ban đại diện cha mẹ học sinh | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Trưởng Ban  đại diện cha mẹ học sinh | Văn thư |
| 2 | [H4-4.1-02] | Biên bản họp ban đại diện, biên bản họp cha mẹ học sinh, báo cáo sơ kết của ban đại diện | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Trưởng Ban  đại diện cha mẹ học sinh | Văn thư |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hình ảnh thực hiện chuyên đề nhà trường. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Tổng phụ trách đội. | Tổng phụ trách đội. |
| 2 | [H4-4.2-02] | Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học trường | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hội Khuyến học Xã Xuân Thới Sơn | Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.2-03] | Danh sách học sinh được nhận học bổng | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Kế toán | Kế toán |
| 4 | [H4-4.2-04] | Các công văn gửi chính quyền địa phương | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 5 | [H4-4.2-05] | Hình ảnh tham quan ngoại khóa | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 6 | [H4-4.2-06] | Kế hoạch, biên bản sinh hoạt chuyên đề. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên Y tế, tổ trưởng  chuyên môn | Phó Hiệu trưởng |
| 7 | [H4-4.2-07] | Kế hoạch phối hợp với ban ngành đoàn thể địa phương | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch kiểm tra | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.1-02] | Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng  Văn thư |
| 3 | [H5-5.1-03] | Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng  Văn thư |
| 4 | [H5-5.1-04] | Kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 5 | [H5-5.1-05] | Kế hoạch thi học sinh giỏi | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Bài thu hoạch ngoại khóa | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Tổ trưởng  bộ môn Lịch sử | Tổ trưởng  bộ môn Lịch sử |
| 2 | [H5-5.3-02] | Giáo án tích hợp giảng dạy giáo dục địa phương | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Kế hoạch hoạt động trải nghiệm | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.5** | 1 | [H5-5.5-01] | Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.5-02] | Kế hoạch học bơi, hợp đồng bơi lội | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Kế toán |
|  | 3 | [H5-5.5-03] | Kế hoạch tư vấn cho học sinh của nhân viên y tế | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Nhân viên Y tế | Nhân viên Y tế |
|  | 4 | [H5-5.5-04] | Hồ sơ giáo dục ngoài giờ lên lớp | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.6** | 1 | [H5-5.6-01] | Kế hoạch định hướng, phân luồng học sinh. | 2017 - 2018  2018 - 2019  2019 - 2020  2020 - 2021  2021 - 2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |